

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH H**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-PT  
Ngày: 04/7/2022  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thúy Phụng

*Các Thẩm phán :* Bà Võ Thị Trâm

Ông Nguyễn Hồng Tuấn

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Cao Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh H.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh H tham gia phiên tòa:*  
Ông Bùi Hồng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh H xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2022/TLPT- HNGĐ ngày 09/5/2022 về “Ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số: 13/2022/HNGĐ-ST ngày 10/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXPT- HNGĐ ngày 02/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh H, giữa các đương sự:

*\* Nguyên Đơn:* Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1978

Địa chỉ (ĐKHKTT): Tổ 22 H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh H.

Chỗ ở hiện nay: Số 115, đường Đ, phường V, thành phố N, Khánh H. Có mặt.

*\* Bị Đơn:* Ông **Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: Số 27 đường T, phường T, thành phố N, Khánh H.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Xuân H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 29/10/2021, bản tự khai ngày 14/01/2022 bà Phạm Thị N trình bày:* Năm 2004 bà và ông Nguyễn Xuân H tự nguyện yêu thương nhau về sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, TP N, tỉnh Khánh H. Quá trình sống chung vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Đến nay bà xác định không còn tình cảm với ông H, nên bà yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Xuân H.

Về con chung: Bà N và ông H có 04 con chung là cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 31/3/2006, cháu Nguyễn Thiên G, sinh ngày 31/5/2009, cháu Nguyễn Thiên Lộc B, sinh ngày 06/12/2013, cháu Nguyễn Quốc L, sinh ngày 09/6/2016. Sau khi ly hôn Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 04 đứa con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà N và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

*\* Tại bản tự khai ngày 25/01/2022 Ông Nguyễn Xuân H trình bày:*

Ông đồng ý ly hôn với Bà N, về con chung ông xác định ông và Bà N có 04 con chung như Bà N trình bày. Sau khi ly hôn ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Thiên G, sinh ngày 31/5/2009 và cháu Nguyễn Quốc L, sinh ngày 09/6/2016; Bà N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 31/3/2006 và cháu Nguyễn Thiên Lộc B, sinh ngày 06/12/2013. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung: Ông H và Bà N tự thỏa thuận; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2022/HNGĐ-ST ngày 10/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N đã áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Việt T, sinh ngày 31/3/2006 cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao con chung Nguyễn Thiên Lộc B, sinh ngày 06/12/2013, Nguyễn Quốc L, sinh ngày 09/6/2016, Nguyễn Thiên G, sinh ngày 31/5/2009 cho Bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai;

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, ông Nguyễn Xuân H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2022/HNGĐ-ST ngày 10/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N.

Tại phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân H trình bày nội dung kháng cáo: Ông kháng cáo bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung; ông đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giao cho ông nuôi một con chung là cháu Nguyễn Quốc L, sinh ngày 09/6/2016.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh H phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị dừng phiên tòa để thu thập thêm các tài liệu thể hiện việc Bà N cho thuê phòng trọ hiện nay như thế nào; Bà N tuy có giấy chứng nhận Hộ kinh doanh mặt hàng hải sản nhưng không thể hiện công việc Bà N đang làm có thu nhập cụ thể bao nhiêu; địa chỉ cư trú của Bà N và các con không thống nhất nên cần xác minh làm rõ.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Xuân H trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về đề nghị dừng phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa Bà N trình bày bà có cho thuê nhà trọ nhưng không đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, bà có thực hiện việc đăng ký tạm trú đối với người ở trọ, một tháng thu nhập khoảng vài triệu đồng. Ông H xác định Bà N có dãy nhà trọ cho thuê nhưng ông không biết thu nhập cụ thể.

Ngoài ra, Bà N trình bày bà còn kinh doanh mặt hàng hải sản thể hiện qua Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A8041726 do Phòng Tài chính – Kế hoạch Ủy ban nhân dân thành phố N cấp ngày 01/6/2021 (do Bà N cung cấp), điều đó chứng tỏ Bà N có công việc và thu nhập ổn định.

Về địa chỉ cư trú của Bà N và các con chung của Bà N với ông H, theo các tài liệu có trong hồ sơ và Bà N trình bày: Trước đây bà và các con đều đăng ký hộ khẩu thường tại 34 Sơn Hải, phường T, thành phố N là nhà của cha, mẹ ông H. Năm 2015, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn Bà N đã chuyển hộ khẩu của bà và các con về nhà chị gái của bà tại Tổ 22 H, phường V, TP. Nha Trang. Sau khi ly hôn bà đã đưa các con về ở nhà của mẹ bà tại 115 Đoàn Trần Nghiệp, phường V, thành phố N cho đến nay; ông H cũng xác nhận nội dung này.

Những nội dung mà đại diện Viện kiểm sát nêu, đã thể hiện trong các tài liệu do đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải dùng phiên tòa như đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H trình bày: Ông muốn nuôi một con chung là cháu Nguyễn Quốc L sinh ngày 09/6/2016, vì Bà N không chứng minh được bà có đủ điều kiện tài chính để nuôi 4 con, không có thời gian chăm sóc con. Ngoài ra, Bà N còn tiếp xúc với các đối tượng không lành mạnh (Bà N cho vay tiền góp) nên có thể ảnh hưởng đến các con.

Bà N không đồng ý với ý kiến của ông H, bà cho rằng: Bà có điều kiện tốt hơn ông H trong việc nuôi dạy các con, vì bà có thu nhập ổn định từ việc kinh doanh mặt hàng hải sản và cho vay tiền góp. Mặc dù, bận công việc làm ăn, nhưng bà vẫn dành thời gian chăm lo con cái. Từ trước đến nay bà chính là người lo vấn đề tài chính, nuôi các con và cả ông H. Mặt khác, nhà ông H ghi sổ đề, tỷ số bóng đá nên bà không yên tâm khi giao con cho ông H nuôi.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ở giai đoạn xét xử sơ thẩm ông H yêu cầu được nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Thiên G và cháu Nguyễn Quốc L. Nhưng Tòa án sơ thẩm đã tuyên xử giao cho ông H nuôi một con chung là cháu Nguyễn Việt T. Không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm nên ông H đã kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cho ông được nuôi một con chung là cháu Nguyễn Quốc L.

Xét về điều kiện kinh tế và nơi ở của Bà N và ông H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà N trình bày bà có chỗ ở ổn định, hiện tại bà và các con đang ở nhà mẹ của bà cho tại 115 đường Đ, phường V, thành phố N. Trước đây tuy bà và các con về sống ở nhà ông H, nhưng sau bà đó bà đã chuyển hộ khẩu của bà và các con về nhà chị gái của bà tại Tổ 22 H, Vĩnh Phước, Nha Trang. Hiện bà kinh doanh mặt hàng hải sản, có nhà trọ cho thuê, nên có cơ sở xác định Bà N có nơi ở, có công việc làm ăn và có nguồn thu nhập ổn định.

Ông H trình bày hiện ông đang ở nhà cha, mẹ của ông H và ông đang làm quản lý cho một quán cơm, thu nhập một tháng 15 triệu đồng, ngoài ra ông còn có nghề sửa chữa ô tô nên cũng có thu nhập.

Về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Bà N kinh doanh, buôn bán hàng hải sản tại nhà và trông coi nhà trọ cho thuê nên vẫn có điều kiện để chăm sóc con cái. Trong khi ông H đi làm cho một quán ăn của người khác, không phải là quán của gia đình mở tại nhà.

Như vậy, khi giải quyết việc nuôi con chung cần phải xem xét, đánh giá về điều kiện, hoàn cảnh kinh tế, sự thuận tiện trong việc chăm sóc con, nơi ở của các bên để đảm bảo điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển về tinh thần tốt nhất cho các con.

Tòa án sơ thẩm đã giao cháu Nguyễn Việt T (con đầu của ông H và Bà N, sinh ngày 31/3/2006) cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng ông H kháng cáo không đồng ý vì ông muốn nuôi cháu Nguyễn Quốc L.

Xét thấy: Cháu Nguyễn Quốc L, sinh ngày 09/6/2016, hiện cháu Long là con chung nhỏ nhất của ông H và Bà N, cháu Long hiện tại mới hơn 6 tuổi còn nhỏ và từ trước đến giờ cháu Long vẫn ở cùng với Bà N, do Bà N chăm sóc và đưa đón đi học. Vì vậy, để ổn định tâm lý của cháu Long và thuận tiện cho Bà N trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa đón cháu Long đi học; nhằm đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho cháu Long. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Nguyễn Việt T cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng; còn các cháu Nguyễn Thiên G, Nguyễn Thiên Lộc B và Nguyễn Quốc L cho Bà N chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của các bên. Nếu sau này ông H cho rằng Bà N không đủ điều kiện để nuôi dạy các con chung, thì ông H có quyền làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

Từ những nhận định trên, cho thấy kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Xuân H là không có cơ sở pháp lý, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Về án phí: Vì kháng cáo của ông H không được chấp nhận, nên ông H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, 58 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 1 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Xuân H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Việt T, sinh ngày 31/3/2006 cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Giao con chung Nguyễn Thiên G, sinh ngày 31/5/2009, Nguyễn Thiên Lộc B, sinh ngày 06/12/2013, Nguyễn Quốc L, sinh ngày 09/6/2016 cho Bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Xuân H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 của luật Hôn nhân và gia đình; có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở;

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000728 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Như vậy, Bà N đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2 Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Xuân H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0001496 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Như vậy, ông H đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.***

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh H;
- TAND TP. Nha Trang;
- Chi cục THA TP. Nha Trang;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Lê Thúy Phượng***

